



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, Tân Kiên, Bình Chánh , Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2015	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 3 năm 2015	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 3 năm 2015	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2015	05 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối Quý 3/2015	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.769.140.631.797	2.496.670.071.830
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	160.100.302.390	411.281.268.344
111	1. Tiền		152.300.302.390	381.281.268.344
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.800.000.000	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	10.322.252.840	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.322.252.840	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		832.452.570.868	485.794.077.054
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	750.913.941.935	435.297.676.533
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	64.799.623.295	33.232.883.029
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.a	23.603.786.413	23.246.055.630
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(6.864.780.775)	(5.982.538.138)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.629.907.710.152	1.454.797.547.616
141	1. Hàng tồn kho		1.629.907.710.152	1.454.797.547.616
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		136.357.795.547	144.797.178.816
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.282.420.565	124.387.754
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		129.862.971.376	144.134.779.366
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		623.427.953	538.011.696
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		588.975.653	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		596.108.725.304	489.244.865.267
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.773.454.546	3.773.454.546
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	2.773.454.546	3.773.454.546
220	II. Tài sản cố định		416.382.844.647	426.608.412.244
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	153.239.277.142	171.922.294.145
222	- Nguyên giá		312.102.621.909	309.352.144.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(158.863.344.767)	(137.429.850.399)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	29.352.836.264	20.215.623.510
225	- Nguyên giá		37.817.079.422	25.228.476.068
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.464.243.158)	(5.012.852.558)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	233.790.731.241	234.470.494.589
228	- Nguyên giá		239.899.533.153	239.790.756.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.108.801.912)	(5.320.261.564)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		162.063.015.537	45.602.431.515
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	162.063.015.537	45.602.431.515
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	7.997.425.436	8.308.748.876
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.664.493.435)	(3.353.169.995)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.891.985.138	4.951.818.086
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		5.136.297.920	3.540.212.670
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		461.715.587	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.12	1.293.971.631	1.411.605.416
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.365.249.357.101	2.985.914.937.097

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối Quý 3/2015	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.332.655.509.511	1.980.273.212.073
310	I. Nợ ngắn hạn		2.239.864.555.297	1.941.496.170.215
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	113.353.966.595	159.755.124.665
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	2.958.691.450	1.978.615.654
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	136.446.491.057	143.749.662.368
314	4. Phải trả người lao động	V.16	21.143.711.698	42.653.544.165
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	67.412.299.115	48.695.659.931
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	45.881.365.169	11.265.273.690
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	1.839.237.479.321	1.531.764.472.089
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	13.430.550.892	1.633.817.653
330	II. Nợ dài hạn		92.790.954.214	38.777.041.858
331	1. Phải trả người bán dài hạn		10.519.503.350	4.404.679.400
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	400.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	82.271.450.864	33.972.362.458
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.032.593.847.590	1.005.641.725.024
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.032.593.847.590	1.004.907.425.024
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		476.400.000.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		476.400.000.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.211.680.048	7.211.680.048
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		119.064.791.152	75.500.448.264
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.342.989.573	17.263.178.515
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		219.293.543.817	265.332.471.745
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		51.282.727.912	53.149.071.500
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		168.010.815.905	212.183.400.245
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		183.280.843.000	163.199.646.452
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	734.300.000
431	1. Nguồn kinh phí		-	734.300.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.365.249.357.101	2.985.914.937.097

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý III năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	1.582.951.922.289	1.556.157.326.714	4.711.333.781.146	5.011.149.380.310
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	13.910.757.029	10.167.493.161	37.663.819.352	44.165.059.295
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.569.041.165.260	1.545.989.833.553	4.673.669.961.794	4.966.984.321.015
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.374.583.006.463	1.376.790.974.875	4.110.542.145.995	4.469.186.265.869
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		194.458.158.797	169.198.858.678	563.127.815.799	497.798.055.146
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	428.631.491	1.411.498.266	1.228.790.999	7.049.435.047
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	25.784.192.598	22.423.202.956	71.625.113.959	85.712.272.143
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		25.328.562.020	21.411.063.290	65.563.869.178	78.233.486.635
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	45.672.099.210	44.362.281.013	179.359.620.251	127.821.643.904
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	26.324.706.555	15.799.485.821	64.865.094.144	41.394.584.553
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		97.105.791.925	88.025.387.154	248.506.778.444	249.918.989.593
31	12. Thu nhập khác	VI.8	7.791.520.147	2.133.699.473	13.788.874.855	36.890.066.098
32	13. Chi phí khác	VI.9	3.032.080.463	370.123.214	4.168.670.341	27.438.040.207
40	14. Lợi nhuận khác		4.759.439.684	1.763.576.259	9.620.204.514	9.452.025.891
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		101.865.231.609	89.788.963.413	258.126.982.958	259.371.015.484
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		24.182.086.697	15.165.067.294	56.949.385.530	45.115.877.752
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	1.049.994.477
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		77.683.144.912	74.623.896.119	201.177.597.428	213.205.143.255
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		63.205.214.491	56.070.720.598	168.010.815.905	164.034.750.156
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.477.930.421	18.553.175.521	33.166.781.523	49.170.393.099
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.194	1.238	3.174	3.621

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám Đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/09/2015	30/09/2014
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		258.126.982.958	259.371.015.484
	2. Điều chỉnh các khoản		94.683.609.029	79.604.638.077
02	- Khấu hao tài sản cố định		28.370.625.941	20.211.486.962
03	- Các khoản dự phòng		1.193.566.077	(16.745.810.643)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(444.452.167)	(2.094.524.877)
06	- Chi phí lãi vay		65.563.869.178	78.233.486.635
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		352.810.591.987	338.975.653.561
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(333.405.035.958)	(336.316.510.004)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(175.110.162.536)	377.083.689.461
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(21.110.455.409)	(61.049.043.922)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.636.484.276)	(439.548.153)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(64.566.509.121)	(78.233.486.635)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(56.825.479.449)	(70.767.336.140)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.424.384.696)	(38.422.402.921)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(320.267.919.458)	130.831.015.247
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(135.374.208.600)	(25.229.243.834)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.213.018.401	3.519.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.322.252.840)	(212.303.030.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	212.303.030.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	3.572.421.562
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(144.483.443.039)	(18.137.822.272)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	79.400.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.995.879.211.182	2.532.800.772.660
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.640.107.115.544)	(2.510.731.383.523)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(9.403.017.555)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(132.798.681.540)	(111.160.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		213.570.396.543	(9.690.610.863)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(251.180.965.954)	103.002.582.112
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		411.281.268.344	365.203.192.790
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	160.100.302.390	468.205.774.902

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON

LÊ QUỐC PHONG



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con**

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có **588** nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 593 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 09 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI BỒN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	07 – 10

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.299.447.372	3.727.799.734
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	149.980.855.018	377.553.468.610
Tiền đang chuyển	20.000.000	-
Các khoản tương đương tiền(*)	7.800.000.000	30.000.000.000
Cộng	<u>160.100.302.390</u>	<u>411.281.268.344</u>

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>10.322.252.840</i>	<i>10.322.252.840</i>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	10.322.252.840	10.322.252.840	-	-
<i>Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	<u>10.322.252.840</u>	<u>10.322.252.840</u>	-	-

2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	7.997.425.436	(3.664.493.435)	11.661.918.871	8.308.748.876	(3.353.169.995)
Cộng	<u>11.661.918.871</u>	<u>7.997.425.436</u>	<u>(3.664.493.435)</u>	<u>11.661.918.871</u>	<u>8.308.748.876</u>	<u>(3.353.169.995)</u>

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
Số đầu năm	(3.353.169.995)	(2.551.762.291)
Trích lập dự phòng bổ sung	(311.323.440)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>(3.664.493.435)</u>	<u>(2.551.762.291)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng tại Công ty mẹ	368.768.987.448	163.407.149.902
Phải thu các khách hàng tại Công ty con	382.144.954.487	271.890.526.631
Cộng	750.913.941.935	435.297.676.533

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán tại công ty mẹ	58.550.557.666	29.657.223.864
Trả trước cho người bán tại công ty con	6.249.065.629	3.575.659.165
Cộng	64.799.623.295	33.232.883.029

5. Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn khác**5.a Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.866.283.868	-	19.508.553.085	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.858.094	-	4.026.980.228	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	9.667.056.416	-	7.566.732.741	-
- Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.500.500.000	-	505.408.579	-
- Các khoản phải thu khác	7.439.869.358	-	7.409.431.537	-
Cộng	23.603.786.413	-	23.246.055.630	-

5.b Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Các khoản ký quỹ khác	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	2.773.454.546	-	3.773.454.546	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu vay ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.982.538.138)	-	(5.982.538.138)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.486.421.225)	-	(2.486.421.225)
Hoàn nhập dự phòng	1.604.178.588	-	1.604.178.588
Số cuối kỳ	(6.864.780.775)	-	(6.864.780.775)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.374.282.086.342	-	451.233.951.009	-
Công cụ, dụng cụ	6.472.931.558	-	6.668.586.179	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.770.347.546	-	18.110.577.845	-
Thành phẩm	190.069.651.198	-	946.580.981.435	-
Hàng hóa	39.312.693.508	-	32.203.451.148	-
Cộng	1.629.907.710.152	-	1.454.797.547.616	-

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.212.050.613	1.016.425.455	25.228.476.068
Thuê trong kỳ	12.588.603.354	-	12.588.603.354
Số cuối kỳ	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.988.187.831	24.664.727	5.012.852.558
Khấu hao trong kỳ	3.160.984.960	290.405.640	3.451.390.600
Số cuối kỳ	8.149.172.791	315.070.367	8.464.243.158
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.223.862.782	991.760.728	20.215.623.510
Số cuối kỳ	28.651.481.176	701.355.088	29.352.836.264

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	239.265.756.153	525.000.000	239.790.756.153
Mua trong kỳ	-	108.777.000	108.777.000
Số cuối kỳ	239.265.756.153	633.777.000	239.899.533.153
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	100.000.000	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.004.074.505	316.187.059	5.320.261.564
Khấu hao trong kỳ	750.134.664	38.405.684	788.540.348
Số cuối kỳ	5.754.209.169	354.592.743	6.108.801.912
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	234.261.681.648	208.812.941	234.470.494.589
Số cuối kỳ	233.511.546.984	279.184.257	233.790.731.241

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	3.249.281.371	6.509.946.299
Xây dựng cơ bản dở dang	42.353.150.144	149.615.351.270
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.314.416.394	8.314.416.394
- Công trình mở rộng nhà máy SX NPK tại Long An	3.649.400.909	3.649.400.909
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.228.936.295	2.402.439.931
- Dự án xây dựng Nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại Long An	14.076.546.203	26.790.640.241
- Xây dựng nhà xưởng tại Ninh Bình	12.847.455.677	97.793.564.751
- Các công trình khác	1.286.721.116	10.664.889.044
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	5.937.717.968
Cộng	45.602.431.515	162.063.015.537

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	113.353.966.595	159.755.124.665
- Công ty Newquest	-	18.167.050.000
- Công ty Cp DAP – VINACHEM	23.118.518.000	-
- Các nhà cung cấp khác	90.235.448.595	141.588.074.665
Cộng	<u>113.353.966.595</u>	<u>159.755.124.665</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	2.958.691.450	1.978.615.654
Các khách hàng khác	2.958.691.450	1.978.615.654
Cộng	<u>2.958.691.450</u>	<u>1.978.615.654</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	136.446.491.057	143.749.662.368
Cộng	<u>136.446.491.057</u>	<u>143.749.662.368</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ	37.541.021.025	25.108.388.696
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con	19.408.364.505	20.007.489.056
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>56.949.385.530</u>	<u>45.115.877.752</u>

16. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phải trả ngắn hạn	67.412.299.115	48.695.659.931
Cộng	67.412.299.115	48.695.659.931

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả ngắn hạn khác	45.881.365.169	4.804.933.651
Cộng	45.881.365.169	11.265.273.690

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.838.583.400.422	1.838.583.400.422	1.524.610.309.129	1.524.610.309.129
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	54.726.642.178	54.726.642.178	47.983.270.790	47.983.270.790
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	451.174.292.151	451.174.292.151	501.042.456.934	501.042.456.934
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM ⁽³⁾	29.537.290.439	29.537.290.439	14.600.000.000	14.600.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽⁴⁾	57.937.858.500	57.937.858.500	48.305.512.487	48.305.512.487
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁵⁾	109.912.555.886	109.912.555.886	50.374.023.700	50.374.023.700
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	55.128.750.000	55.128.750.000	66.723.314.805	66.723.314.805
- Ngân hàng MHB CN Tp. HCM ⁽⁷⁾	-	-	17.996.616.750	17.996.616.750
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Bến Nghé ⁽⁸⁾	82.627.952.860	82.627.952.860	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi ⁽⁹⁾	32.796.758.344	32.796.758.344	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁰⁾	395.191.823.539	395.191.823.539	336.412.175.274	336.412.175.274
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽¹¹⁾	4.094.127.000	4.094.127.000	71.927.104.056	71.927.104.056
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹²⁾	113.333.403.804	113.333.403.804	89.819.927.863	89.819.927.863
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹³⁾	114.156.150.260	114.156.150.260	54.649.548.675	54.649.548.675
Vay nhân viên công ty ⁽¹⁴⁾				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn	33.701.650.885	33.701.650.885	37.642.736.883	37.642.736.883
- Các khoản vay của Công ty Bình Điền Quảng Trị	58.463.546.423	58.463.546.423	37.730.546.789	37.730.546.789
- Các khoản vay của Công ty Bình Điền Lâm Đồng	76.614.615.413	76.614.615.413	78.152.784.192	78.152.784.192
- Các khoản vay của Công ty Bình Điền Ninh Bình	122.453.973.990	122.453.973.990	71.250.289.931	71.250.289.931
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	46.732.008.750	46.732.008.750		
	654.078.899	654.078.899	7.154.162.960	7.154.162.960
Cộng	1.839.237.479.321	1.839.237.479.321	1.531.764.472.089	1.531.764.472.089

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay Số BIT.DN.737.270515 ngày 29 tháng 05 năm 2015, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 14.310076/2014- HỘTDHM/NHCT900-BFC ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM theo Hợp đồng số 0646/14/HĐTDHM-DNL/166 ngày 29 tháng 10 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTTD/PL3 ngày 03 tháng 09 năm 2015, hạn mức 60.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 140149 ngày 27 tháng 02 năm 2014 điều chỉnh lần 2 của Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 07120742 ngày 30/04/2012. Hạn mức 10,000,000.00 USD (hoặc tương đương VND). Mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho công ty nhập khẩu và mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HỘTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Bến Nghé.

(9) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Hàm Nghi.

(10) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2014, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(11) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận.

(12) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HỘTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(13) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số BFL/14-76

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày 06 tháng 08 năm 2014, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(14) Là khoản vay các nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

19.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn	35.118.520.204	35.118.520.204		
- Các khoản vay của Công ty Bình Điền Ninh Bình	35.118.520.204	35.118.520.204		
Nợ thuê tài chính	47.152.930.660	47.152.930.660	33.972.362.458	33.972.362.458
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn	9.223.729.415	9.223.729.415		
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽¹⁾	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽²⁾	10.106.388.009	10.106.388.009	10.486.139.658	10.486.139.658
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽³⁾	8.392.402.236	8.392.402.236	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quảng Trị	-	-	4.055.811.800	4.055.811.800
Cộng	82.271.450.864	82.271.450.864	33.972.362.458	33.972.362.458

(1) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.

(2) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(3) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	82.271.450.864	33.972.362.458
Trên 5 năm	-	-
Cộng	82.271.450.864	33.972.362.458

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.633.817.653	34.343.626.969	(22.546.893.730)	13.430.550.892
Cộng	<u>1.633.817.653</u>	<u>34.343.626.969</u>	<u>(22.546.893.730)</u>	<u>13.430.550.892</u>

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	309.660.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	166.740.000.000	35,00	166.740.000.000
Cộng	<u>100,00</u>	<u>476.400.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>476.400.000.000</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	476.400.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	476.400.000.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	397.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	79.400.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	476.400.000.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(133.392.000.000)	(111.160.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21f. Phân phối lợi nhuận

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	20.327.577.271
Trong đó:		
Số đã tạm trích trong năm 2013 là	:	3.500.000.000
Số còn phải trích năm 2014 là	:	16.827.577.271
• Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành	:	500.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	30.491.365.906
• Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	:	10.163.788.635
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	133.392.000.000

21g. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	550.571,97	3.524.987,14
Euro (EUR)	89,24	94,65

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	4.711.333.781.146	5.011.149.380.310
Cộng	4.711.333.781.146	5.011.149.380.310

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	37.663.819.352	44.165.059.295
Cộng	37.663.819.352	44.165.059.295

3. Giá vốn hàng bán

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	4.110.542.145.995	4.469.186.265.869
Cộng	4.110.542.145.995	4.469.186.265.869

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, chênh lệch tỷ giá, khác	1.228.790.999	7.049.435.047
Cộng	1.228.790.999	7.049.435.047

5. Chi phí tài chính

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
- Chi phí lãi vay, dự phòng tài chính, khác	71.625.113.959	85.712.272.143
Cộng	71.625.113.959	85.712.272.143

6. Chi phí bán hàng

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
- Chi phí cho nhân viên, quảng bá thương hiệu, chi phí hỗ trợ bán hàng, khác	179.359.620.251	127.821.643.904
Cộng	179.359.620.251	127.821.643.904

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
- Chi phí cho nhân viên, khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	64.865.094.144	41.394.584.553
Cộng	<u>64.865.094.144</u>	<u>41.394.584.553</u>

8. Thu nhập khác

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
- Thu nhượng bán tài sản cố định, thu nhập từ bán phế liệu, thu nhập khác.	13.788.874.855	36.890.066.098
Cộng	<u>13.788.874.855</u>	<u>36.890.066.098</u>

9. Chi phí khác

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
- Chi phí nhượng bán tài sản cố định, chi phí khác	4.168.670.341	27.438.040.207
Cộng	<u>4.168.670.341</u>	<u>27.438.040.207</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	168.010.815.905	164.034.750.156
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(16.801.081.591)	(16.403.475.016)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(16.801.081.591)</u>	<u>(16.403.475.016)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	151.209.734.314	147.631.275.140
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	47.640.000	40.776.117
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.174</u>	<u>3.621</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.902.849.000	2.147.600.000
Cộng	1.902.849.000	2.147.600.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ Công ty có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức	86.704.800.000	72.254.000.000
Cộng	86.704.800.000	72.254.000.000

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
9 tháng đầu năm 2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.054.300.211.296	619.369.750.498	4.673.669.961.794
Giá vốn hàng bán	3.561.104.330.625	549.437.815.370	4.110.542.145.995
Lợi nhuận gộp	493.195.880.671	69.931.935.128	563.127.815.799
9 tháng đầu năm 2014			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.274.085.502.842	692.898.818.173	4.966.984.321.015
Giá vốn hàng bán	3.833.827.867.864	635.358.398.005	4.469.186.265.869
Lợi nhuận gộp	440.257.634.978	57.540.420.168	497.798.055.146

3. Số liệu so sánh**3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phân XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	15.173.914.310	8.072.141.320	23.246.055.630
- Tài sản ngắn hạn khác	155	8.072.141.320	(8.072.141.320)	-
- Phải thu dài hạn khác	216	-	3.773.454.546	3.773.454.546
- Tài sản dài hạn khác	268	3.773.454.546	(3.773.454.546)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	418	69.091.926.375	6.408.521.889	75.500.448.264
- Quỹ dự phòng tài chính		6.408.521.889	(6.408.521.889)	-
Kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.023	(402)	3.621

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 03 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tài sản đảm bảo: Đề đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – CN Hiệp Thạnh Tập đoàn đã thế chấp Quyền sử dụng đất số BM 926981 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/06/2013 với giá trị định giá là 18.418.776.000 đồng. Nhà máy phân bón NPK với giá trị định giá là 6.080.150.000 đồng.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	157.525.459.340	118.743.737.481	30.350.179.493	2.425.230.230	307.538.000	309.352.144.544
2. Tăng trong năm	314.288.542	4.087.102.500	3.790.740.000	284.763.182	-	8.476.894.224
- Tăng do mua mới	214.288.542	4.087.102.500	3.684.100.000	284.763.182	-	8.270.254.224
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	100.000.000	-	106.640.000	-	-	206.640.000
3. Giảm trong năm	2.260.650.000	3.465.766.859	-	-	-	5.726.416.859
- Thanh lý, nhượng bán	2.260.650.000	3.465.766.859	-	-	-	5.726.416.859
4. Số dư cuối năm	155.579.097.882	119.365.073.122	34.140.919.493	2.709.993.412	307.538.000	312.102.621.909
Trong đó:						
TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.734.141.025	2.030.000.000	265.000.000	-	10.029.141.025
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	56.666.181.661	61.407.802.383	18.185.996.386	1.124.252.982	45.616.987	137.429.850.399
2. Tăng trong năm	10.601.831.571	12.166.550.283	3.165.441.724	434.456.062	23.065.353	26.391.344.993
- Khấu hao trong kỳ	10.601.831.571	12.166.550.283	3.165.441.724	434.456.062	23.065.353	26.391.344.993
3. Giảm trong năm	2.260.650.000	2.697.200.625	-	-	-	4.957.850.625
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.697.200.625	-	-	-	2.697.200.625
4. Số dư cuối năm	65.007.363.232	70.877.152.041	21.351.438.110	1.558.709.044	68.682.340	158.863.344.767
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	100.859.277.679	57.335.935.098	12.164.183.107	1.300.977.248	261.921.013	171.922.294.145
2. Tại ngày cuối năm	90.571.734.650	48.487.921.081	12.789.481.383	1.151.284.368	238.855.660	153.239.277.142

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Số dư đầu năm trước	397.000.000.000	7.209.536.048	36.132.841.991	3.884.372.667	8.662.044.721	167.021.269.778	116.090.660.736	736.000.725.941
2. Tăng trong năm trước	79.400.000.000	2.144.000	39.367.606.273	2.524.149.222	8.601.133.794	203.275.772.708	59.320.522.068	392.491.328.065
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	203.275.772.708	59.320.522.068	262.596.294.776
- Tăng vốn trong năm	79.400.000.000	2.144.000	-	-	-	-	-	79.402.144.000
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	32.959.084.384	2.524.149.222	8.601.133.794	-	-	44.084.367.400
- Tăng theo Thông tư 200	-	-	6.408.521.889	-	-	-	-	6.408.521.889
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	6.408.521.889	-	104.964.570.741	12.211.536.352	123.584.628.982
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	104.964.570.741	12.211.536.352	117.176.107.093
- Điều chỉnh theo Thông tư 200	-	-	-	6.408.521.889	-	-	-	6.408.521.889
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	476.400.000.000	7.211.680.048	75.500.448.264	-	17.263.178.515	265.332.471.745	163.199.646.452	1.004.907.425.024
5. Tăng trong kỳ này	-	-	43.564.342.888	-	10.079.811.058	168.010.815.905	33.166.781.523	254.821.751.374
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	168.010.815.905	33.166.781.523	201.177.597.428
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	43.564.342.888	-	10.079.811.058	-	-	53.644.153.946
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	214.049.743.833	13.085.584.975	227.135.328.808
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	214.049.743.833	13.085.584.975	227.135.328.808
7. Số dư cuối kỳ này	476.400.000.000	7.211.680.048	119.064.791.152	-	27.342.989.573	219.293.543.817	183.280.843.000	1.032.593.847.590

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG